

Số: **92/2021/QĐST-HNGĐ**

Ân Th, ngày 24 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Bị đơn: Anh Vũ Tư H, sinh năm 1985

Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Vũ Như Ph, sinh ngày 19/7/2010

2. Cháu Vũ Gia H, sinh ngày 05/3/2013

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị L – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: P C, Q V, Ân Th, Hưng Yên

3. Bà Hà Thị Ph, sinh năm 1962

Trú tại: P C, Q V, Ân Th, Hưng Yên

4. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976 và chị H Thị Th, sinh năm 1976

Đều trú tại: Tượng Cước, Xuân Trúc, Ân Th, Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 494, 495 BLDS;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 33, 38, 39, 40, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/6/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Tư H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Tư H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Tư H có 02 con chung là Vũ Như Ph, sinh ngày 29/7/2010 và Vũ Gia H, sinh ngày 05/3/2013. Nay ly hôn chị L, anh H thống nhất thỏa thuận để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị L, anh H đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh H, chị L về tài sản chung khi ly hôn cụ thể như sau:

Anh H, chị L có 01 ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích là 200m² trị giá 980.000.000 đồng xây trên thửa đất số 110, tờ bản đồ số 40 tại thôn Triều Tiên, Bảo Khê, thành phố Hưng Yên thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng anh Nguyễn Xuân H và chị H Thị Th cho mượn, thửa đất đã có GCNQSD đất tại số vào sổ cấp GCN CS 00481 ngày 21/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên. Nay ly hôn, anh H chị L thống nhất để chị L được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu đối với ngôi nhà 02 tầng trên. Anh H, chị Th nhất trí tiếp tục cho chị L mượn thửa đất này, thời hạn mượn là 05 (lăm) năm, kể từ tháng 05/2021 đến tháng 5/2026. Chị L có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn). Ngày 04/6/2021, chị L đã trả đủ anh H số tiền là 100.000.000 đồng. Anh H đã nhận đủ và viết giấy biên nhận tiền ngày 04/6/2021.

Về công nợ: Anh H, chị L có vay của bà Hà Thị Ph; sinh năm 1962 số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 1%/ tháng, mục đích vay để làm nhà, nay anh H, chị L thống nhất thỏa thuận để chị L có trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền này, bà Ph nhất trí. Bà Ph, chị L tự thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên không đề nghị Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STDS được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên L số 0000785 ngày 12/5/2021 của Chi cục Th hành án dân sự Hện Ân Th. Hoàn trả chị L 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Ph thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Hện Ân Th;
- Chi cục THA dân sự Hện Ân Th;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Vinh, Ân Th, Hưng Yên
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đồng Dục